

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020
và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021**

PHẦN I

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020**

Thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện năm 2020 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và Dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành những giải pháp, nhiệm vụ chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2020 (*Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2020*) đề ra 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2020 (*Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2020*) với 137 nội dung, đề án giao cụ thể cho các sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định, kế hoạch cụ thể như sau:

– Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (*Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 10/12/2019*; Giao chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 (*Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 26/12/2019*); Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020 của tỉnh Tây Ninh (*Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2020*).

– Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 (*Kế hoạch số 397/KH-UBND ngày 03/3/2020*).

– Quyết định ban hành quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025 (*Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2020*).

– Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (*Quyết định số 883/KH-UBND ngày 29/4/2020*).

– Quyết định sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh (*Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 25/8/2020*).

– Quyết định ban hành Chương trình xúc tiến Đầu tư-Thương mại-Du lịch tỉnh Tây Ninh năm 2020 (*Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 10/7/2020*).

– Quyết định phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025 (*Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 14/8/2020*).

– Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 17/8/2020*).

– Kế hoạch phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025 (*Kế hoạch số 1916/KH-UBND ngày 18/8/2020*).

– Quyết định phê duyệt Khuyến công và Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 1832/QĐ-UBND ngày 24/8/2020*).

– Quyết định ban hành Đề án Xây dựng Chính quyền số tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 03/9/2020*).

Ngoài ra, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tỉnh đã có những chỉ đạo, điều hành tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp, thực hiện các biện pháp hỗ trợ người dân, phát động phong trào thi đua giải ngân vốn đầu tư công năm 2020 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về thực hiện mục tiêu kép: vừa quyết liệt phòng, chống, không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng, vừa tập trung phục hồi, phát triển KTXH.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác phòng, chống dịch Covid-19, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội

Tính từ đầu mùa dịch đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh phát hiện 07 trường hợp nhiễm Covid-19 (*là đối tượng nhập cảnh từ Campuchia về*) và đã điều trị khỏi 07/07 trường hợp.

Về hỗ trợ tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, kinh doanh cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, đến 31/10/2020, hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho 437 khách hàng với tổng dư nợ là 1.507 tỷ đồng; miễn, giảm lãi vay và giữ nguyên nhóm nợ cho 2.554 khách hàng với tổng dư nợ 4.425 tỷ đồng; cho vay mới với lãi suất thấp hơn lãi suất thông thường cho 2.989 khách hàng với số vốn vay là 8.182 tỷ đồng.

Thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ: Giảm 50% lệ phí trước bạ đối với xe ô tô lắp ráp, sản xuất trong nước (*ước giảm thu 55 tỷ đồng*); giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ (*ước giảm thu 35,3 tỷ đồng*); giảm thuế đất (*ước giảm thu 15 tỷ đồng*).

Thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ: Hỗ trợ cho 07 nhóm đối tượng¹ (70.314 người) với kinh phí hỗ trợ là 83,76 tỷ đồng.

Thực hiện văn bản số 2698/BCT-ĐTĐL ngày 16/4/2020 của Bộ Công Thương về việc hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, ngành điện: Hỗ trợ cho các khách hàng sử dụng điện trong 3 tháng (*tháng 5, 6, 7*) trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền 3 tháng là 183,58 tỷ đồng.

Thực hiện kế hoạch số 1749/KH-BVHTTDL ngày 08/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về phát động chương trình “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam”, Hiệp hội du lịch Tây Ninh đã tổ chức buổi tọa đàm nhằm thông tin về các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp, lắng nghe những khó khăn và đề xuất của doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

2. Về phát triển kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn ước thực hiện 51.032 tỷ đồng, tăng 3,9% so với CK (*KH 2020: tăng 8% trở lên*), GRDP bình quân đầu người đạt 3.147 USD (*KH 2020: 3.300 USD*).

Tỷ trọng nông - lâm - thủy sản; công nghiệp - xây dựng; dịch vụ (*chưa tính thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm*) trong GRDP theo giá hiện hành ước đạt 21,5% - 43,3% - 30,3% (*KH 2020: 21 - 22%; 41 - 42%; 32 - 33%*).

Giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản (*giá so sánh 2010*) ước đạt 26.213 tỷ đồng, tăng 1,4% so với CK (*KH 2020: tăng từ 3% trở lên*).

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, giảm diện tích cây trồng kém hiệu quả. Tổng diện tích gieo trồng ước đạt 376.775 ha, đạt 98,9% so với KH, giảm 0,2% so với CK. Tổng diện tích chuyển đổi năm 2020 khoảng 1.646,5 ha. Tình hình sâu bệnh gây hại cây trồng chính chủ yếu ở mức nhiễm nhẹ, công tác dự báo dịch bệnh cây trồng được duy trì và thực hiện thường xuyên. Giá trị sản phẩm bình quân trên 01 ha đất trồng trọt ước đạt 100 triệu đồng (*tăng 2,5 triệu đồng so với năm 2019*).

Tình hình chăn nuôi tương đối ổn định, không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm, công tác phòng chống dịch bệnh được tăng cường và giám sát chặt chẽ. Chăn nuôi tiếp tục chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung, đảm bảo an toàn

¹ Người có công; đối tượng bảo trợ xã hội; hộ nghèo, hộ cận nghèo; người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương; người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động; người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm.

sinh học, phát triển mạnh theo mô hình trang trại lạnh, quy mô lớn. Trên địa bàn tỉnh hiện có 676 trang trại gia súc, gia cầm với tổng đàn gần 4,4 triệu con. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm 16,6%.

Xây dựng định hướng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thâm canh, năng suất cao theo hướng công nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tổng diện tích nuôi trồng ước đạt 690 ha, tổng sản lượng nuôi trồng đạt 8.200 tấn, sản lượng thủy sản khai thác đạt 2.500 tấn.

Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch thủy lợi tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035.

Niên vụ 2020-2021, diện tích mía đầu tư, bao tiêu là 16.000 ha, trong đó đầu tư trong tỉnh 8.100 ha và tại Campuchia 7.900 ha. Kết thúc niên vụ 2019-2020, khối lượng mía đưa vào sản xuất: 860.000 tấn; lượng đường sản xuất đạt 82.692 tấn; chữ đường bình quân: 9,68 CCS.

Khối lượng củ mì đưa vào chế biến năm 2020 khoảng 3,7 triệu tấn, tăng 3,52% so với CK, sản xuất được 931.318 tấn bột (*trong đó, sản xuất công nghiệp 3.166.484 tấn củ, 791.621 tấn bột; cơ sở vừa và nhỏ 558.791 tấn củ, 139.697 tấn bột*). Giá thu mua củ mì tươi dao động từ 2.600 – 2.800 đồng/kg (30 chữ bột) tùy khu vực.

Tổng diện tích cây cao su ước đạt 94.300 ha, giảm 0,7% so với CK. Diện tích cao su đang khai thác 92.500 ha. Sản lượng mủ chế biến đạt 194.600 tấn, năng suất bình quân 2 tấn/ha.

Công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng được quan tâm thực hiện, ước năm 2020 diện tích trồng rừng đạt kế hoạch đề ra (210 ha). Đã xảy ra 13 vụ cháy rừng trồng với diện tích 14,86 ha (*tăng 10 vụ cháy rừng, 5,56 ha so với CK*), 31 trường hợp cháy dưới tán rừng tự nhiên và rừng trồng với diện tích 38,387 ha (*tăng 24 trường hợp cháy, 34,517 ha so với CK*), tuy nhiên thiệt hại không đáng kể.

Tính đến 30/10/2020, trên địa tỉnh xảy ra 35 vụ thiên tai làm 04 người bị thương; 143 căn nhà, 03 trường học, 01 văn phòng ấp và 142 ha cây trồng bị ảnh hưởng với tổng giá trị thiệt hại 5.818 triệu đồng (*So CK, giảm 31 vụ thiên tai, 07 người bị thương; 853 căn nhà bị hư hại; 684 ha cây trồng bị ảnh hưởng và 22,5 tỷ đồng*). Hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2019-2020 là 186 triệu đồng.

Về chương trình xây dựng nông thôn mới: Công nhận 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã Hòa Thành hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019². Năm 2020, có thêm 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 45/71 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 63,4%; Thành phố Tây Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số tiêu chí bình quân/xã là 17,1 tiêu chí.

Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước đạt 97.326 tỷ đồng, tăng 8,7% so với CK (KH 2020: tăng từ 14,5% trở lên).

² Tỉnh đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận thị xã Hòa Thành hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019

Ban hành Chương trình khuyến công và phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025. Thực hiện tốt công tác điều hòa cung ứng điện an toàn, tiết kiệm, đảm bảo cung cấp đủ điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt, tính đến tháng 10/2020, toàn tỉnh tiết kiệm được 81,46 triệu kWh, bán sang Campuchia 94,85 triệu kWh điện. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,69%.

Giá trị các ngành dịch vụ (giá so sánh 2010) ước đạt 29.482 tỷ đồng, tương đương với CK (KH 2020: tăng từ 6,5% trở lên).

Tham gia Hội nghị liên kết hợp tác phát triển du lịch vùng Đông Nam bộ, triển khai các hoạt động quảng bá và xúc tiến phát triển du lịch tỉnh, ký cam kết “Du lịch an toàn - An toàn để du lịch”, thực hiện Chương trình “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam”. Triển khai ứng dụng Du lịch thông minh tỉnh Tây Ninh. Xây dựng Kế hoạch phát triển du lịch giữa Hà Nội và Tây Ninh giai đoạn 2020-2025. Doanh thu du lịch năm 2020 ước đạt 730 tỷ đồng, đạt 56% so với KH, giảm 34% so với CK; số lượng khách lưu trú đạt 80% so với KH, giảm 19% so với CK; có hơn 2,2 triệu lượt khách tham quan tại các khu, điểm du lịch, đạt 71% so với KH, giảm 27% so với CK.

Bảo đảm nguồn cung các mặt hàng thiết yếu để ứng phó diễn biến dịch bệnh Covid -19. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn ước thực hiện 80.588 tỷ đồng, tăng 1,8% so với CK.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra về hàng giả, hàng kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ. Trong 10 tháng, kiểm tra 1.062 vụ, xử lý 304 vụ vi phạm (hàng cấm 64 vụ; hàng nhập lậu 26 vụ; hàng giả và quyền sở hữu trí tuệ 51 vụ; hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ 72 vụ; vi phạm trong kinh doanh 08 vụ; vệ sinh an toàn thực phẩm 15 vụ; vi phạm khác 68 vụ), số thu phạt hành chính 3,52 tỷ đồng, trị giá hàng hóa tịch thu ước khoảng 3,39 tỷ đồng.

Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 4.057 triệu USD, tăng 7% so với CK (KH 2020: tăng 12%), mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: thực phẩm, hàng gia dụng, quần áo may sẵn, cao su thiên nhiên, giày dép, vải các loại, ... **Kim ngạch nhập khẩu** ước thực hiện 3.588 triệu USD, tăng 7% so với CK, mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: máy móc, thiết bị, nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu, hàng nông sản, khí hóa lỏng, ...

Đầu tư phát triển toàn xã hội ước thực hiện 34.880 tỷ đồng, tăng 1,5% so với CK, đạt 40,1% GRDP (KH 2020: 35% GRDP theo giá hiện hành), trong đó khu vực Nhà nước tăng 29,6%; khu vực ngoài Nhà nước giảm 3,4%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 1,7%.

Tài chính – tín dụng

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 10.050 tỷ đồng, đạt 100,5% dự toán, tăng 4,7% so với CK (Dự toán 2020: 10.000 tỷ đồng), trong đó thu nội địa: 9.500 tỷ đồng, đạt 97,7% dự toán, tăng 12% so với CK (bao gồm khoản thu tiền thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Bộ Tài chính hoàn trả); thu thuế xuất nhập khẩu: 1.000 tỷ đồng, đạt 135,3% dự toán, giảm 33,7% so với

CK.

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 13.170 tỷ đồng, đạt 118,4% dự toán, tăng 49,1% so với CK (*Dự toán 2020: 11.123,5 tỷ đồng*).

Tổng kế hoạch vốn xây dựng cơ bản năm 2020 là 4.938,814 tỷ đồng. Đến ngày 31/10/2020 đã giải ngân 3.369,663 tỷ đồng, đạt 98% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 76,69% kế hoạch HĐND tỉnh giao đầu năm và đạt 68,23% kế hoạch HĐND tỉnh điều chỉnh. Ước khối lượng thực hiện và giải ngân năm 2020 là 4.871,241 tỷ đồng, vượt kế hoạch Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao đầu năm, đạt 100% KH kế hoạch HĐND tỉnh điều chỉnh (nếu không kể phần vốn bội chi NSDP là 67,573 tỷ đồng), tăng 76,92% so cùng kỳ (Năm 2019 là 2.791,049 tỷ đồng).

Tổng vốn huy động của hệ thống ngân hàng ước đạt 47.047 tỷ đồng, tăng 3,5% so với CK. Tổng dư nợ cho vay đạt 66.566 tỷ đồng, tăng 13,2% so với CK; trong đó dư nợ cho vay trung và dài hạn chiếm 33,6% tổng dư nợ, nợ xấu chiếm 0,6% so với tổng dư nợ.

Thu hút đầu tư nước ngoài đạt 582,29 triệu USD, giảm 51,5% so với CK. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới 13 dự án với vốn đăng ký 353,16 triệu USD; 23 dự án điều chỉnh tăng vốn với vốn tăng 240,07 triệu USD; 02 dự án điều chỉnh giảm vốn 10,95 triệu USD; 02 dự án chuyển thành dự án trong nước với số vốn đăng ký 6 triệu USD. Thu hồi 02 dự án với vốn đăng ký là 2,72 triệu USD.

Ngoài ra, nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, phần vốn góp trong các tổ chức kinh tế trong nước là 02 lượt đăng ký mua cổ phần với vốn đăng ký 4,9 triệu USD.

Lũy kế trên địa bàn tỉnh có 330 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 7.569,57 triệu USD, trong đó: 240 dự án hoạt động với số vốn 5.896,45 triệu USD; 42 dự án đang xây dựng với số vốn 744,59 triệu USD; 37 dự án chưa triển khai với số vốn 898,16 triệu USD; 11 dự án dừng hoạt động với số vốn 30,36 triệu USD; vốn thực hiện lũy kế chiếm khoảng 49,5% tổng vốn đăng ký.

Thu hút đầu tư trong nước đạt 3.709,92 tỷ đồng, giảm 21,6% so với CK. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và chủ trương đầu tư mới 41 dự án với tổng vốn đăng ký 2.485 tỷ đồng; 18 dự án điều chỉnh tăng vốn với vốn tăng 1.224,92 tỷ đồng. Thu hồi 04 dự án với vốn đăng ký 17,5 tỷ đồng; 01 dự án chuyển thành dự án nước ngoài với vốn đăng ký 800 tỷ đồng.

Lũy kế có 565 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 77.302,23 tỷ đồng, trong đó có: 340 dự án đi vào hoạt động với số vốn 52.082,6 tỷ đồng, 60 dự án đang triển khai xây dựng với số vốn 10.966,6 tỷ đồng, 140 dự án chưa xây dựng với số vốn 12.941,97 tỷ đồng, 25 dự án dừng hoạt động với số vốn 1.311 tỷ đồng. Vốn thực hiện đạt khoảng 41,1% so vốn đăng ký.

Phát triển doanh nghiệp: Cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới cho 721 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 7.163,32 tỷ đồng, so với CK tăng 9,6% về số doanh nghiệp và giảm 29,5% về vốn đăng ký. Có 176 doanh nghiệp giải thể

với số vốn 876,72 tỷ đồng (cùng kỳ giải thể 147 doanh nghiệp với vốn 498,26 tỷ đồng). Lũy kế, có 6.327 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký 120.198,26 tỷ đồng.

Kinh tế tập thể: Thành lập mới 12 hợp tác xã (HTX), 01 HTX giải thể. Đến nay, toàn tỉnh có 141 HTX với tổng số vốn điều lệ là 231,4 tỷ đồng và 39.220 thành viên. Tổng số HTX hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 là 141 HTX.

3. Các hoạt động văn hóa – xã hội

Tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2020, tỷ lệ học sinh thi đậu tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 98,8% (năm học trước: 96,2%); tỷ lệ học sinh được xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,99% (năm học trước: 99,99%); xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 99,97% (năm học trước: 99,98%). Ước đến cuối năm 2020, công nhận 21 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 219 trường. Hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng công trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa giai đoạn 2017-2020. Kiểm tra trường lớp, đảm bảo đủ phòng học, đủ giáo viên, thiết bị đồ dùng dạy học cho khai giảng năm học 2020-2021. Triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 1. Hướng dẫn các đơn vị, trường học thực hiện kế hoạch dạy học theo khung kế hoạch thời gian năm học 2020-2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Triển khai thực hiện 27 nhiệm vụ khoa học công nghệ³, nghiệm thu 09 nhiệm vụ. Kiểm tra tiêu chuẩn đo lường chất lượng hàng hóa 209 cơ sở kinh doanh xăng dầu, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em,...kết quả không phát hiện cơ sở vi phạm. Ban hành các văn bản: Kế hoạch thực hiện dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Tây Ninh” năm 2020; Kế hoạch về triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kế hoạch Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được cải thiện, tập trung nâng cao năng lực chuyên môn ngành y tế tỉnh. Tạo điều kiện cho nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành và đi vào hoạt động 02 bệnh viện (giai đoạn I) với quy mô 600 giường bệnh (Bệnh viện đa khoa tư nhân Hồng Hưng và Bệnh viện đa khoa tư nhân Xuyên Á)⁴. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 11,0% (KH 2020: 11%), số giường bệnh/vạn dân ước đạt 25 giường (KH 2020: 25 giường) và đạt 7,5 bác sĩ/vạn dân (KH 2020: 7,5 bác sĩ). Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 85% so với dân số toàn tỉnh (KH 2020: 90%). Xảy ra 02 vụ ngộ độc thực phẩm với 71 người mắc, không có tử vong; 03 ca tử vong do sốt xuất huyết.

Công tác chăm lo cho các đối tượng hưởng chính sách xã hội, người có công

³ Cấp quốc gia: 01 nhiệm vụ; cấp tỉnh 19 nhiệm vụ (trong đó, năm trước chuyển sang là 21 nhiệm vụ); cấp cơ sở 07 nhiệm vụ;

⁴ Bệnh viện đa khoa tư nhân Xuyên Á đi vào hoạt động tháng 8/2020 và Bệnh viện đa khoa tư nhân Hồng Hưng đi vào hoạt động tháng 10/2020;

với cách mạng, người nghèo được thực hiện kịp thời. Ban hành quy định chính sách hỗ trợ đối tượng thuộc hộ gia đình không khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; phê duyệt kết quả rà soát hộ không khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Xây tặng 304 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, xây mới 37 căn và sửa chữa 67 căn nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách. Số lao động có việc làm tăng thêm khoảng 19.782 lao động (*KH 17.000 lao động*), trong đó có 292 lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài. Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo đạt 70% (*KH 70%*). Tỷ lệ hộ nghèo ước giảm 0,7% (*KH 0,7%*). Xảy ra 06 vụ đình công, lãn công với 1.877 lao động tham gia (*giảm 04 vụ so năm 2019*), nguyên nhân tranh chấp do không thống nhất về quyền lợi của người lao động.

Công tác bảo vệ trẻ em có sự chuyển biến tích cực; ban hành Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020-2025; quan tâm đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch về trẻ em như thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em, bảo vệ trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em. Phê duyệt nội dung chi, mức chi triển khai thực hiện mô hình quản lý, giáo dục và điều trị người nghiện có hiệu quả tại gia đình, cộng đồng.

Tập trung tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng, chống dịch. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025. Ban hành Kế hoạch triển khai Đề án bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Tham dự 14 giải thể thao ở một số tỉnh trong cả nước. Đăng cai tổ chức các giải thi đấu quốc gia tại Tây Ninh, các giải thi đấu thu hút 1.000 lượt vận động viên, huấn luyện viên thể thao của các tỉnh, thành trên cả nước về tham dự. Thành tích thể thao nổi bật của tỉnh đạt được 02 HCV và 02 HCD giải Quần vợt vô địch nam nữ toàn quốc Cúp Hải Đăng năm 2020.

4. Tài nguyên - Môi trường

Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện đúng quy định, đã cấp 238 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất cho tổ chức, tổng diện tích 664,65 ha; cấp 2.364 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 510,79 ha.

Công tác cấp và thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đã ban hành 34 quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, 16 quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình khai thác nước dưới đất, 06 giấy phép khai thác khoáng sản, 02 quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, 04 quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đất san lấp, 05 quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đất san lấp, 01 quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

Thực hiện xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Vận hành 06 trạm quan trắc nước mặt tự động và trung tâm điều hành ghi nhận dữ liệu truyền về, đã ghi nhận dữ liệu quan

trắc của 14 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành dự án xây dựng trang thông tin điện tử quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và dự án mua sắm trang thiết bị quan trắc không khí tự động.

5. Công tác quy hoạch và phát triển đô thị

Thực hiện Luật Quy hoạch năm 2017, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020, phê duyệt dự toán lập quy hoạch tỉnh và đang triển khai các bước tiếp theo cho việc lập quy hoạch theo quy định.

Kết quả rà soát, bãi bỏ theo thẩm quyền các quy hoạch theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 59 Luật Quy hoạch và các văn bản luật có liên quan: Năm 2020, bãi bỏ 02 văn bản phê duyệt quy hoạch về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2020 và quy hoạch về phát triển nông nghiệp đến năm 2020. Từ tháng 5/2019 đến năm 2020, rà soát, bãi bỏ 17 văn bản phê duyệt quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ.

Công tác xây dựng, phát triển đô thị được thực hiện đồng bộ, thành lập thị xã Trảng Bàng, thị xã Hòa Thành⁵, tỷ lệ đô thị hóa đạt 41,8%.

6. Quốc phòng - An ninh; Công tác nội chính

Công tác quân sự - quốc phòng địa phương: Thực hiện tốt công tác quốc phòng địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, khu vực phòng thủ vững chắc. Xây dựng hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng 06/21 điểm dân cư liền kề Chốt dân quân biên giới. Xây dựng Đề án tổ chức, xây dựng, huấn luyện, hoạt động và chế độ chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Tổ chức giao quân đạt 100% chỉ tiêu ở 3 cấp.

Nắm chắc diễn biến tình hình, chủ động xử lý kịp thời các tình huống, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn và tuyến biên giới trong các đợt cao điểm lễ, tết và các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Các tổ, chốt chặn biên giới trực, kiểm tra 24/24 toàn tuyến. Các lực lượng chức năng tại cửa khẩu duy trì thực hiện tốt việc khai báo y tế, rà soát, phân loại đối tượng ngay từ cửa khẩu để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo đúng quy định. Tất cả các trường hợp nhập cảnh qua cửa khẩu Mộc Bài và Xa Mát đều được cách ly theo đúng quy định.

Thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ giai đoạn XIX, kết quả quy tập được 149 bộ hài cốt ở Campuchia và trên địa bàn tỉnh.

Tình hình và công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong nội địa và trên tuyến biên giới:

Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ ngày 15/12/2018-14/11/2020): Tiếp nhận

⁵ Nghị quyết số 865/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị xã Hòa Thành, thị xã Trảng Bàng và thành lập các phường thuộc thị xã Hòa Thành, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;

1.251 vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật (*giảm 05 vụ so với CK*), làm rõ 1.178 vụ với 2.345 đối tượng, đạt 94,2%, cụ thể: về trật tự xã hội: xảy ra 744 vụ (*giảm 24 vụ*), điều tra làm rõ 674 vụ, với 1.640 đối tượng, đạt 90,6%; về ma túy: phát hiện 319 vụ (*giảm 15 vụ*), điều tra làm rõ 319 vụ với 514 đối tượng, đạt 100%; về kinh tế: phát hiện 66 vụ (*tăng 17 vụ*), điều tra làm rõ 63 vụ, với 63 đối tượng, đạt 95,5%; về giao thông: tiếp nhận 97 vụ (*giảm 07 vụ*), điều tra làm rõ 97 vụ với 97 đối tượng, đạt 100%; về tham nhũng: tiếp nhận 05 vụ (*giảm 01 vụ*), điều tra làm rõ 05 vụ và 06 đối tượng; về lĩnh vực khác: tiếp nhận 20 vụ (*tăng 03 vụ*), điều tra làm rõ 20 vụ với 25 đối tượng, đạt 100%.

Tổ chức tuyên truyền phòng, chống tội phạm liên quan đến tín dụng đen, cờ bạc, lừa đảo chiếm đoạt tài sản được 93 cuộc, với 26.443 lượt người tham dự; tuyên truyền phòng, chống ma túy được 138 cuộc, với 16.858 lượt người tham dự; bắt 452 vụ với 2.360 đối tượng đánh bạc, bắt 13 vụ với 17 đối tượng cho vay nặng lãi.

Xảy ra 24 vụ cháy, làm chết 01 người, bị thương 01 người, thiệt hại về tài sản khoảng 7,9 tỷ đồng (*tăng 04 vụ, tăng 01 người chết, bằng số người bị thương, giảm thiệt hại tài sản khoảng 40,85 tỷ đồng so với CK*).

Tình hình tai nạn giao thông (*Số liệu từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/11/2020 của Ban an toàn Giao thông tỉnh*): Tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 105 vụ, làm chết 41 người, bị thương 84 người (*so với CK: giảm 24 vụ, 15 người chết, 27 người bị thương*). Tai nạn giao thông đường thủy không xảy ra.

An ninh chính trị khu vực biên giới cơ bản ổn định. Triển khai thực hiện tốt công tác đối ngoại, duy trì các mối quan hệ hợp tác với các tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia và các nước. Công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành kế hoạch Trung ương đề ra, góp phần hoàn thành 84% khối lượng công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia. Hiện nay, còn tồn đọng 07 cột mốc chính (*từ cột mốc 139 đến cột mốc 145*) và khoảng 12 km đường biên giới (*đoạn biên giới từ cột mốc 138 đến cột mốc 146*) thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương. Lũy kế đến nay, đã phân giới được khoảng 228/240 km, xác định được 94/101 vị trí mốc với 102/109 cột mốc và xây dựng hoàn chỉnh được 102/109 cột mốc chính, 218/479 mốc phụ, cọc dấu mang số hiệu chẵn (*bao gồm 172 mốc phụ và 46 cọc dấu*).

Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức Lễ công bố nâng cấp cửa khẩu quốc tế Tân Nam theo Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 03/12/2019 của Chính phủ phê duyệt nâng cấp cửa khẩu phụ Tân Nam lên cửa khẩu quốc tế. Hỗ trợ vật tư y tế phòng, chống dịch Covid-19 cho 05 tỉnh biên giới giáp biên Campuchia⁶.

Công tác tư pháp, thi hành án dân sự: Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật 4.600 cuộc với hơn 173.780 lượt người tham gia; tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh 10.340 giờ; tử sách pháp luật có 692 lượt người tìm hiểu. Công tác trợ giúp pháp lý tiếp nhận 234 vụ việc; tham gia tố tụng 160 vụ.

Công tác hòa giải đã tiếp nhận 689 vụ; đưa ra hòa giải 688 vụ, trong đó hòa

⁶ Các tỉnh: Svay Riêng, Prey Veng, Tboung Khmum, Kampong Cham, Otdor Meanchey.

giải thành 589 vụ, đạt 85,6%, hòa giải không thành 99 vụ; rút 01 vụ.

Thi hành án dân sự (từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/9/2020): Tổng số việc thụ lý là 28.518 việc (*tăng 201 việc so với CK*). Tổng số việc phải thi hành: 28.163 việc, trong đó số việc có điều kiện thi hành 21.647 việc, đã thi hành xong 15.840 việc; số việc chưa có điều kiện thi hành 6.311 việc; số còn lại chuyển sổ theo dõi riêng.

Công tác thanh, kiểm tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại tố cáo:

Thực hiện 49 cuộc thanh tra hành chính, chủ yếu trên lĩnh vực tài chính ngân sách (*27/49 cuộc*), còn lại là các lĩnh vực đất đai, quản lý hành chính, xây dựng cơ bản; đã ban hành kết luận 40 cuộc, kiến nghị thu hồi số tiền 19,6 tỷ đồng và 0,05 ha đất, đã thu hồi nộp ngân sách nhà nước 18,3 tỷ đồng, kiến nghị khác 2,3 tỷ đồng và 1.689,5 ha, kiến nghị xử lý hành chính 06 tổ chức và 43 cá nhân.

Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thực hiện 8.175 cuộc, phát hiện 232 tổ chức và 855 cá nhân vi phạm, kiến nghị thu hồi 316 triệu đồng, xử phạt hành chính 7,5 tỷ đồng, đã thu 6,9 tỷ đồng (*đạt 92%*) chủ yếu vi phạm thuộc lĩnh vực giao thông, môi trường, kiểm dịch, y tế....

Công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân: Tiếp được 2.327 lượt với 2.181 người; tiếp nhận 1.462 đơn khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện xử lý. Số đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết là 117 đơn (*105 khiếu nại, 12 tố cáo*), đã giải quyết 104 đơn (*93 khiếu nại, 11 tố cáo*), đạt 89% trên tổng số thụ lý, số còn lại đang xác minh, xem xét giải quyết.

Công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN): Ban hành 203 văn bản, sửa đổi 05 văn bản triển khai tổ chức thực hiện công tác PCTN; tổ chức 984 cuộc tuyên truyền với 27.964 lượt người tham dự, soạn thảo 09 văn bản tài liệu học tập pháp luật về PCTN. Tiếp tục duy trì thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công khai, minh bạch tại 34 đơn vị, phát hiện vi phạm 02 đơn vị⁷; thanh tra, kiểm tra công tác quản lý sử dụng tài chính liên quan đến chế độ, định mức, tiêu chuẩn 25 cuộc/19 đơn vị, phát hiện sai phạm 07 cuộc/07 đơn vị⁸ với số tiền sai phạm 183 triệu đồng và đã thu hồi; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng theo quy định 86 trường hợp; xử lý 06 vụ⁹ trách nhiệm người đứng đầu để xảy ra tham nhũng.

Xây dựng chính quyền và cải cách hành chính: Tiếp tục triển khai thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tính đến thời điểm hiện nay, 19/19 Sở, ngành tỉnh đã xây dựng xong Đề án kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy; thực hiện sắp xếp giảm 25 đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập đã giảm từ năm 2015 đến nay là

⁷ Trảng Bàng (UBND xã Phước Lưu; Trường THCS Phước Lưu);

⁸ Hòa Thành 04 đơn vị, Tân Biên 01 đơn vị; Trảng Bàng 02 đơn vị.

⁹ Vụ Đỗ Viết Tình (UBND xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên); vụ Huỳnh Thị Siêng và 13 đồng phạm (Bệnh viện đa khoa tỉnh); vụ Nguyễn Quốc Cường (Thị Đoàn Trảng Bàng); Đặng Trường An (VKSND huyện Tân Châu); vụ Nguyễn Hoàng Sơn (TAND huyện Châu Thành); vụ Trần Thị Ngọc Hiếu (Trung tâm dịch vụ việc làm).

96/741 đơn vị; cắt giảm 40 biên chế công chức và 416 người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, điều động và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức được thực hiện đúng quy định, tuyển dụng 49 công chức thuộc khối Nhà nước thông qua thi tuyển.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (trong đó, kết thúc thí điểm việc hợp nhất 3 văn phòng (HĐND, Đoàn ĐBQH và UBND cấp tỉnh, chuyển sang thực hiện mô hình tổ chức 2 văn phòng tham mưu, giúp việc (Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)).

Kiến toàn tổ chức bộ máy, thay đổi tên gọi các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc 02 UBND thị xã: Hòa Thành và Trảng Bàng. Đồng thời, được Bộ Nội vụ phê duyệt phân loại đơn vị hành chính cấp huyện, cụ thể: Thị xã Trảng Bàng là đơn vị hành chính loại I, Thị xã Hòa Thành là đơn vị hành chính loại II.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, hệ thống dữ liệu thông tin KTXH tỉnh đã đưa vào vận hành, sử dụng cho các cơ quan quản lý hành chính cấp tỉnh và cấp huyện trên website và ứng dụng tra cứu số liệu trên thiết bị di động. Ban hành các văn bản: Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh năm 2020¹⁰; Kế hoạch phát động thi đua xây dựng Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025¹¹; Quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh¹²; Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp để cải thiện, nâng cao các chỉ số: PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS và ICT INDEX của tỉnh Tây Ninh năm 2020 và những năm tiếp theo¹³; Đề án xây dựng Chính quyền số tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030¹⁴.

Hoạt động của Trung tâm hành chính công được duy trì hiệu quả; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động trao đổi thông tin, giải quyết TTHC cho người dân nhanh chóng, kịp thời và thuận tiện hơn. Phê duyệt Kế hoạch rà soát quy định, thủ tục hành chính (TTHC) năm 2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh gồm 26 nhóm TTHC¹⁵ (17 nhóm TTHC của sở, ngành và 09 nhóm cấp huyện). Công bố danh mục TTHC của 10 sở ngành lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Kết quả giải quyết TTHC (từ 01/01/2020 đến 10/11/2020): Số hồ sơ đã giải quyết là 279.970/285.528 hồ sơ, đạt 98,05% tổng số hồ sơ cần giải quyết, số còn lại đang trong thời gian giải quyết.

¹⁰ Quyết định số 770/QĐ-BCĐCQĐT ngày 14/4/2020;

¹¹ Kế hoạch số 870/KH-UBND ngày 29/4/2020;

¹² Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 13/3/2020;

¹³ Kế hoạch số 1881/KH-UBND ngày 14/8/2020;

¹⁴ Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 03/9/2020;

¹⁵ Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 14/02/2020;

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Tập trung phục vụ tốt công tác tổ chức Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

Trong điều kiện bình thường mới, không phải giãn cách xã hội, vừa phòng chống ngăn chặn dịch lây lan vừa phát triển sản xuất kinh doanh, tỉnh đã triển khai kịp thời các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân và doanh nghiệp ổn định sản xuất, kinh doanh. Tình hình kinh tế đang dần tăng trưởng trở lại (6 tháng tăng 3,1%; cả năm tăng 3,9%).

Thu ngân sách đạt kế hoạch đề ra, trong đó thu nội địa tăng 12% so với CK. Thực hiện giải ngân vốn có chuyển biến tích cực, đã cải thiện rất nhiều so với các năm trước, tỷ lệ giải ngân đến 31/10/2020 đạt 68,2% KH (năm 2019: 59,15%, năm 2018: 52,56%).

Công tác chuẩn bị trường lớp cho năm học 2020 - 2021 được chuẩn bị chu đáo. Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT đạt khá cao so với CK (98,8%). Công tác xã hội hóa về y tế đạt nhiều kết quả tích cực, hoàn thành và đi vào hoạt động 02 bệnh viện tư nhân. Tỷ lệ hộ nghèo giảm đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh. Tập trung kiểm soát chặt chẽ biên giới, thực hiện nghiêm túc việc cách ly 100% các đối tượng nhập cảnh tại các cửa khẩu. Đến thời điểm hiện nay, tỉnh vẫn đang chủ động và kiểm soát tốt dịch bệnh, không phát hiện lây lan dịch bệnh trong cộng đồng.

Công tác an sinh xã hội và phúc lợi xã hội luôn được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Triển khai thực hiện hỗ trợ kịp thời cho người dân gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19, đảm bảo đúng đối tượng, công khai minh bạch, rà soát kỹ không sót đối tượng.

Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, bảo đảm an toàn tuyệt đối thời gian trước, trong và sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

2. Tồn tại, hạn chế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2020 không đạt kế hoạch đề ra. Hầu hết các ngành, lĩnh vực đều chịu ảnh hưởng, trong đó ngành du lịch chịu ảnh hưởng nặng, doanh thu du lịch giảm 34% so với CK.

Thu hút đầu tư trong và ngoài nước giảm mạnh; xuất khẩu hàng hóa của tỉnh còn khó khăn do phụ thuộc lớn vào yếu tố bên ngoài.

Việc triển khai thực hiện các dự án, nhất là các dự án mới còn chậm trong khâu lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức đấu thầu, ...; có nhiều dự án chuẩn bị đầu tư chưa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, gây mất thời gian trong quá trình phê duyệt.

Việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa của một số dự án còn chậm. Công tác đấu giá quyền sử dụng đất kéo dài thời gian, việc thực hiện quy trình đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 27/7/2020

còn một số bất cập.

Nguồn giáo viên tham gia tuyển dụng chưa đảm bảo chỉ tiêu được giao. Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học ở một số xã còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh.

Một số bệnh truyền nhiễm giảm so với cùng kỳ, tuy nhiên xảy ra 03 trường hợp tử vong do sốt xuất huyết, tình trạng ngộ độc thực phẩm vẫn còn xảy ra. Chỉ tiêu bảo hiểm y tế không đạt mục tiêu đề ra.

Tình hình tội phạm xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp.

Công tác tư vấn, giáo dục hành vi, nhân cách cho học viên tại Cơ sở cai nghiện còn nhiều hạn chế. Công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng chưa đạt kết quả cao.

Quốc phòng – an ninh có nơi còn diễn biến phức tạp.

3. Nguyên nhân

Đại dịch Covid-19 đã tác động, ảnh hưởng đến nhiều mặt của nền kinh tế. Biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thiên tai diễn biến bất thường.

Các chủ đầu tư dự án chưa chủ động trong công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện đầu tư chậm, vướng mắc trong bồi thường, giải phóng mặt bằng, phát sinh điều chỉnh dự án kéo dài.

Việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật có lúc, có nơi còn bất cập; một số cơ chế, chính sách còn chồng chéo, chưa đồng bộ.

Chính sách cho nhân lực ở vùng nông thôn chưa có nhiều khác biệt để thu hút và tuyển dụng giáo viên mầm non.

Các doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính và tình hình biến động nhân sự dẫn đến chỉ tiêu bảo hiểm y tế chưa đảm bảo tiến độ.

Nhân lực phụ trách công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác cai nghiện chủ yếu là kiêm nhiệm, năng lực quản lý còn hạn chế; kinh phí, điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng còn nhiều khó khăn; bản thân người nghiện, gia đình người nghiện còn che giấu tình trạng nghiện, chưa chủ động khai báo và đăng ký cai nghiện.

Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành và trong nội bộ cơ quan, đơn vị hiệu quả chưa cao; một số nơi chưa quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước theo thẩm quyền quy định.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân đối với những chỉ đạo, điều hành của Chính phủ đang tăng lên. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2021 cả nước được xây dựng trong bối cảnh tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, các vấn đề già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, ... sẽ có nhiều tác động đến các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Trong tỉnh, năm 2021 là năm triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 – 2025. Việc thực hiện cơ cấu lại ngành, lĩnh vực được cụ thể hóa bằng nhiều chương trình, đề án và tổ chức thực hiện quyết liệt ngay từ năm đầu kế hoạch. Bên cạnh đó, tỉnh ta tiếp tục phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức: quy mô và sức cạnh tranh kinh tế tỉnh chưa cao, nguồn lực đầu tư còn hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu, diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, các vấn đề xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu... là những vấn đề mà Tây Ninh đã và đang phải đối mặt.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2021

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục tập trung thực hiện “mục tiêu kép”, vừa phòng chống dịch bệnh hiệu quả, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa tận dụng tốt các cơ hội, nỗ lực phục hồi và phát triển KTXH trọng trạng thái bình thường mới. Huy động tối đa mọi nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng thế mạnh của tỉnh; đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững, gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế và xã hội. Quản lý khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống. Chủ động ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai. Củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

a. Về kinh tế

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP - theo giá so sánh 2010) tăng 5,5% trở lên.
- GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 3.300 USD.
- Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP (giá hiện hành):
 - + Nông – lâm – thủy sản: 20-21%

- + Công nghiệp – Xây dựng: 44-45%
- + Dịch vụ (*chưa tính thuế sản phẩm*): 29-30%
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 10.500 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn bằng 36% GRDP.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 15%.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ tăng 8%.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng 7%.

b. Về xã hội

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,2%.
- Số lao động có việc làm tăng thêm là 16.000 lao động.
- Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và dạy nghề đạt 71%.
- Tỷ lệ thất nghiệp:
 - + Khu vực thành thị: 1,65%
 - + Khu vực nông thôn: 1,35%
- Đạt 7,8 bác sĩ/1 vạn dân và 26 giường bệnh/1 vạn dân.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (*thể thấp còi*) còn dưới 20,5%.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 76%, trong đó 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

c. Về môi trường

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó số hộ sử dụng nước sạch tăng 2% so với năm 2020.
- Tỷ lệ che phủ rừng (đã loại trừ cây cao su) đạt 16,3%.
- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch và giảm thiểu thiệt hại do đại dịch Covid-19. Tiếp tục củng cố trạng thái bình thường mới, vừa phục hồi và phát triển kinh tế, vừa sẵn sàng phòng chống dịch; coi việc bảo đảm an toàn với dịch bệnh là cơ sở để phát triển KTXH.

2. Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Tập trung lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Tổng kết kết quả thực hiện các nhóm giải pháp mang tính đột phá để phát triển KTXH tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2021. Đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhất là người đứng đầu địa

phương, đơn vị trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp, chính sách của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

3. Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực

2.1. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đảm bảo lợi thế cạnh tranh. Đẩy mạnh áp dụng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp tốt. Thực hiện tốt công tác phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi. Phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại quy mô lớn, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi. Tạo điều kiện phát triển các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, chú trọng phát triển hình thức hợp tác, liên kết đa dạng giữa các hộ gia đình và doanh nghiệp, tổ chức hợp tác xã và tổ chức tín dụng. Phấn đấu năm 2021 có thêm 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới và có 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Triển khai thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

2.2. Cơ cấu lại ngành công nghiệp, tập trung một số ngành công nghiệp thân thiện với môi trường, tiết kiệm tài nguyên và lao động. Nâng cao hiệu quả hoạt động các khu, cụm công nghiệp, thu hút đầu tư các ngành ưu tiên và công nghiệp hỗ trợ, có hàm lượng khoa học công nghệ cao, lựa chọn các nhà đầu tư có uy tín và thương hiệu. Triển khai thực hiện Chương trình khuyến công và phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Rà soát, bổ sung quy hoạch mới các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát. Tiếp tục kêu gọi đầu tư các dự án điện mặt trời sau khi Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được công bố.

2.3. Mở rộng thị trường xuất khẩu, hạn chế sự phụ thuộc vào một số thị trường, kiểm soát có hiệu quả nhập khẩu. Đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường nội địa, nâng cao sức tiêu dùng trong nước. Thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, liên kết các siêu thị, các chợ đầu mối với người sản xuất, tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị, chú trọng đến các mặt hàng nông sản. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động thương mại. Triển khai hiệu quả chương trình bình ổn thị trường, mở rộng các điểm bán hàng bình ổn. Tăng cường quản lý, kiểm tra thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại. Phát triển dịch vụ vận tải công cộng; ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách bằng xe buýt.

2.4. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Đề án “Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển ngành kinh tế mũi nhọn” giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Xây dựng Đề án phát triển sản phẩm du lịch địa phương, gắn với nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý về du lịch và xây dựng văn hóa du lịch. Tích cực hỗ trợ nhà đầu tư đầu tư vào Khu Du lịch núi Bà Đen, sớm đưa các sản phẩm du lịch thu hút khách du lịch. Đồng thời, mời gọi các nhà đầu tư đầu tư vào các dự án du lịch trọng điểm của tỉnh.

4. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và phát triển đô thị

Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh xác định tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, là một trong các khâu đột phá, tạo động lực cho phát triển KTXH. Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Vốn đầu tư công tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển KTXH, có tính kết nối và lan tỏa vùng, trong đó đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án cao tốc Hồ Chí Minh - Mộc Bài và Dự án liên tuyến kết nối vùng N8, ĐT787B và ĐT789. Tập trung đầu tư hạ tầng đường thủy nội địa để nâng cao năng lực vận tải bằng đường thủy, giảm áp lực vận tải đường bộ, nhất là tuyến đường thủy nội địa trên sông Sài Gòn. Tổ chức đẩy nhanh thực hiện đầu tư Trung tâm Logistics và cảng tổng hợp Hưng Thuận. Phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, hoàn chỉnh hệ thống kênh chính, kênh cấp 1 dự án tưới tiêu phía Tây sông Vàm Cỏ Đông.

Xây dựng Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến 2030; Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến 2030.

5. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư; phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân

Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách Nhà nước, tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; chống thất thu, nợ đọng thuế. Tập trung rà soát lại từng khoản thu, sắc thuế ở từng lĩnh vực để động viên kịp thời các nguồn lực vào ngân sách nhà nước, chủ động khai thác các khoản thu từ đất và khoản thu cấp quyền khai thác khoáng sản. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế để tạo thêm nguồn thu cho ngân sách.

Huy động hợp lý các nguồn lực cho đầu tư phát triển, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, các hình thức đầu tư; đẩy mạnh hợp tác theo hình thức đối tác công tư (PPP) và các hình thức đầu tư không sử dụng vốn nhà nước để huy động tối đa nguồn lực đầu tư phát triển KTXH. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước để đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng KTXH, đặc biệt đối với các dự án có tác động lớn tới phát triển kinh tế; các dự án hạ tầng xã hội, phục vụ cộng đồng dân sinh thuộc ngành y tế, giáo dục.

Triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh (PCI), tạo mọi điều kiện để các thành phần kinh tế cùng nhau phát triển. Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19.

6. Phát triển văn hóa, xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội

Nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Thực hiện phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Đẩy mạnh giáo dục và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông. Tiếp tục rà soát, sắp xếp quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đào tạo. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên.

Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm. Cập nhật thông tin thị trường lao động, điều tra cung, cầu lao động. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để khuyến khích các doanh nghiệp thu hút sử dụng nhiều lao động nhằm tạo nhiều việc làm cho người lao động. Từng bước xây dựng quan hệ lao động trong các doanh nghiệp ổn định, ý thức kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của người lao động được nâng cao.

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, ứng dụng các kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất. Tiếp tục triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 25/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng kế hoạch về “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, bao gồm cơ sở vật chất, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ nhằm đáp ứng sự hài lòng của người dân. Kiểm soát chặt chẽ an toàn thực phẩm. Thực hiện liên kết đào tạo nâng cao trình độ các chuyên ngành hiếm và các chuyên khoa đặc thù khác. Xây dựng các giải pháp phấn đấu thực hiện chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 90%.

Xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tầng lớp nhân dân tham gia sinh hoạt văn hóa. Khôi phục và phát triển các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian; duy trì và phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng.

Đẩy mạnh xã hội hóa về trợ giúp xã hội, đa dạng hóa các nguồn lực triển khai thực hiện trợ giúp xã hội. Thực hiện đầy đủ, kịp thời có hiệu quả các chính sách về bảo trợ xã hội. Tập trung triển khai thực hiện chính sách đối với người có công theo Pháp lệnh mới.

Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thông tin và an ninh mạng. Xây dựng chương trình chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Nâng cấp và phát triển hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá an toàn an ninh thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

7. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về đất đai. Tiếp tục rà soát, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đã giao, cho thuê đối với các dự án đầu tư, các doanh nghiệp nông nghiệp. Xây dựng Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025; Quy hoạch sử dụng đất các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2021 - 2030.

Tăng cường công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn. Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác tài nguyên; đấu tranh ngăn chặn mọi hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, tài nguyên, môi trường.

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản, các làng nghề, lưu vực sông; xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Tăng cường công tác quản lý nguồn nước mặt, đánh giá mức độ an toàn đập, hồ chứa nước, công trình phòng, chống thiên tai, đảm bảo an toàn khi có thiên tai xảy ra. Xây dựng Chiến lược bảo vệ môi trường giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2040 và Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thực hiện nghiêm công tác bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng và rừng sản xuất; gắn phát triển rừng với bảo vệ môi trường, phát triển KTXH, nhất là du lịch, và nâng cao đời sống, thu nhập người dân sống bằng nghề rừng.

8. Tạo bước đột phá trong cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền tới người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích... Tiếp nhận, xử lý kịp thời tất cả các phản ánh kiến nghị của mọi cá nhân, tổ chức. Công bố, công khai đầy đủ danh mục, nội dung, quy trình điện tử, quy trình nội bộ và các cách thức giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh. Gắn kết chặt chẽ giữa công tác cải cách TTHC với việc tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác CCHC của tỉnh. Xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh; vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành kinh tế - xã hội tập trung của tỉnh.

Triển khai thực hiện công tác đánh giá Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố (DDCI) thuộc tỉnh Tây Ninh. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, nhất là cán bộ tham mưu cấp sở, huyện để đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH của tỉnh. Xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng năm 2030; Đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII).

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và giải quyết tốt các yêu cầu của tổ

chức, cá nhân trong lĩnh vực hành chính tư pháp. Hoàn thành Kế hoạch số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hành động quốc gia về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017 - 2021. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động triển khai thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Đảm bảo các yêu cầu trợ giúp pháp lý của người thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

Tiếp tục đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao nhận thức đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí của cán bộ, công chức, viên chức ở các cấp, các ngành trong tỉnh. Tăng cường kiểm tra công vụ tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh để nâng cao trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật hành chính và tinh thần phục vụ nhân dân, kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện tiêu cực, những thiếu sót trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

9. củng cố quốc phòng, an ninh; tăng cường các hoạt động đối ngoại

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đẩy nhanh thực hiện theo đúng lộ trình và tổng kết Đề án khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2017 - 2021.

Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Công an, Quân sự, Biên phòng trong bảo vệ an ninh Quốc gia, bảo đảm trật tự xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ.

Đấu tranh phòng ngừa, kéo giảm tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy; chống tập trung đông người phá rối an ninh trật tự và bạo loạn, không để phát sinh khiếu kiện đông người, hình thành điểm nóng. Tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, góp phần kéo giảm tai nạn giao thông trên cả ba mặt.

Tăng cường công tác tuyên truyền về thông tin đối ngoại, biên giới lãnh thổ. Duy trì các mối quan hệ hợp tác, quản lý đoàn ra, đoàn vào, phối hợp giải quyết kịp thời các vụ việc nảy sinh trên tuyến biên giới. Thực hiện tốt tiến độ phân giới cắm mốc đối với các cột mốc còn lại trên địa bàn tỉnh. Đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm trên biên giới, tập trung giải quyết vấn đề cư trú và giấy tờ pháp lý khác cho Việt kiều di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam.

Thực hiện sơ kết các thỏa thuận đã ký kết với các địa phương thuộc Vương quốc Campuchia và Hàn Quốc. Xúc tiến mở rộng quan hệ hợp tác với chính quyền tỉnh Attapeur, Lào và tỉnh Mie, Nhật Bản.

10. Tập trung thông tin tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Chú trọng tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến, lựa chọn các tập thể cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng tạo tác động lan tỏa tích cực. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận xã hội. Đấu tranh ngăn chặn, phản bác hiệu quả thông tin xuyên tạc, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2020 và kế hoạch phát triển KTXH năm 2021 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- TVCP phụ trách TN;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.TU;
- Ban Tuyên giáo TU;
- TT.HĐND tỉnh; các Ban HĐND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ VP và các phòng, ban, trung tâm thuộc VP ĐQBQ, HĐND & UBND tỉnh;
- Lưu: VT VP.

18

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC 1
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH NĂM 2020	Ước TH 2020	Số NQ	
					Đạt	Chưa đạt
I	Chỉ tiêu kinh tế				2	7
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP - giá so sánh 2010) tăng so với năm trước	%	8% trở lên	3.9		X
2	GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành	USD	3,300	3,147		X
3	Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP (giá hiện hành)					X
	- Nông - lâm - thủy sản	%	21-22	21.5		
	- Công nghiệp - xây dựng	%	41-42	43.3		
	- Dịch vụ (<i>chưa tính Thuế sản phẩm</i>)	%	32-33	30.3		
4	Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản tăng	%	3.0	1.4		X
5	Giá trị sản xuất công nghiệp tăng	%	từ 14,5% trở lên	8.7		X
6	Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng	%	từ 6,5% trở lên	0.0		X
7	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	10,000	10,050	X	
8	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn so với GRDP	%	35	40.1	X	
9	Kim ngạch xuất khẩu tăng	%	12	7		X
II	Chỉ tiêu văn hóa - xã hội				6	1
10	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	0.7	0.7	X	
11	Số lao động có việc làm tăng thêm	Người	17,000	19,782	X	
12	Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo	%	70.0	70.0	X	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH NĂM 2020	Ước TH 2020	Số NQ	
					Đạt	Chưa đạt
13	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	dưới 1	dưới 1	X	
14	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	11.0	11.0	X	
15	Số bác sĩ, số giường bệnh bình quân trên vạn dân				X	
	- Số bác sĩ	bác sĩ	7.5	7.5		
	- Số giường bệnh viện	giường	25.0	25.0		
16	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	90.0	85.0		X
III	Chỉ tiêu môi trường				6	
17	Tỷ lệ hộ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	100	100	X	
18	Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	99.0	99.0	X	
19	Tỷ lệ che phủ của rừng (bao gồm độ che phủ của cây cao su)	%	39.8	40.3	X	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ che phủ rừng (đã loại trừ cây cao su)</i>	%	<i>16.3</i>	<i>16.3</i>	<i>X</i>	
20	Tỷ lệ các cơ sở y tế, khu công nghiệp, khu chế xuất xử lý chất thải rắn, nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	%	100	100	X	
21	Tỷ lệ đô thị xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia				X	
	+ Chất thải rắn	%	100	100		
	+ Nước thải	%	50	55.56		
22	Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	%	100	100	X	

PHỤ LỤC 2
BIỂU TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2019	KH NĂM 2020	ƯTH NĂM 2020	KH NĂM 2021	SO SÁNH		
							ƯTH 2020 KH 2020	ƯTH 2020 TH 2019	KH 2021 ƯTH 2020
I	TỔNG SẢN PHẨM XÃ HỘI (GRDP)								
1	Tổng GRDP (Giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	49,138	60,860	51,032	53,840	83.9	103.9	105.5
	Nông - lâm - thủy sản	"	12,510	13,300	12,682	12,960	95.4	101.4	102.2
	Công nghiệp - Xây dựng	"	18,580	25,100	20,159	22,250	80.3	108.5	110.4
	- Công nghiệp	"	15,409	21,700	16,848	18,750	77.6	109.3	111.3
	- Xây dựng	"	3,171	3,400	3,311	3,500	97.4	104.4	105.7
	Dịch vụ	"	15,524	19,400	15,620	16,000	80.5	100.6	102.4
	Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm		2,523	3,060	2,571	2,630	84.0	101.9	102.3
	* Cơ cấu GRDP - Giá so sánh 2010								
	Nông - lâm - thủy sản	%	25.5	21.9	24.9	24.1			
	Công nghiệp - Xây dựng	"	37.8	41.2	39.5	41.3			
	Dịch vụ	"	31.7	32.0	30.7	29.8			
	Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm	"	5.1	5.0	5.0	4.9			
2	Tổng GRDP (Giá hiện hành)	Tỷ đồng	81,799	89,900	86,876	93,400	96.6	106.2	107.5
	Nông - lâm - thủy sản	"	17,288	17,300	18,686	19,900	108.0	108.1	106.5
	Công nghiệp - Xây dựng	"	34,595	39,200	37,653	41,600	96.1	108.8	110.5
	- Công nghiệp	"	30,104	34,000	32,840	36,400	96.6	109.1	110.8
	- Xây dựng	"	4,491	5,200	4,813	5,200	92.6	107.2	108.0

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2019	KH NĂM 2020	ƯTH NĂM 2020	KH NĂM 2021	SO SÁNH		
							UTH 2020 KH 2020	UTH 2020 TH 2019	KH 2021 UTH 2020
	Dịch vụ	"	25,803	28,700	26,334	27,600	91.8	102.1	104.8
	Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm	"	4,113	4,700	4,202	4,300	89.4	102.2	102.3
	* Cơ cấu GRDP - Giá hiện hành								
	Nông - lâm - thủy sản	%	21.1	19.2	21.5	21.3			
	Công nghiệp - Xây dựng	"	42.3	43.6	43.3	44.5			
	Dịch vụ	"	31.5	31.9	30.3	29.6			
	Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm	"	5.0	5.2	4.8	4.6			
II	GRDP bình quân đầu người								
	- Theo giá so sánh 2010	Triệu đồng	41.9	51.7	43.2	45.1	83.5	102.9	104.6
	- Theo giá hiện hành	"	69.8	76.36	73.5	78.3	96.2	105.3	106.6
	- Theo USD (giá so sánh 2010)	USD	1,821	2,235	1,848	1,909	82.7	101.5	103.3
	- Theo USD (hiện hành)	"	3,031	3,300	3,147	3,300	95.4	103.8	104.9
III	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT (giá 2010)								
	Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	25,853	26,629	26,213		98.4	101.4	
	Công nghiệp - Xây dựng	"	101,634	116,335	109,957		94.5	108.2	
	- Công nghiệp	"	89,538	102,969	97,326		94.5	108.7	
	- Xây dựng	"	12,096	13,366	12,631		94.5	104.4	
	Dịch vụ	"	29,471	31,386	29,482		93.9	100.0	
IV	NÔNG NGHIỆP								
	Tổng diện tích gieo trồng	ha	377,699	381,110	376,775	377,520	98.9	99.8	100.2

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2019	KH NĂM 2020	ƯTH NĂM 2020	KH NĂM 2021	SO SÁNH		
							ƯTH 2020 KH 2020	ƯTH 2020 TH 2019	KH 2021 ƯTH 2020
	<i>Trong đó:</i>								
	- Lúa								
	Diện tích	ha	149,065	140,000	145,000	138,000	103.6	97.3	95.2
	Năng suất	tạ/ha	54.1	54.6	54.4	55.0	99.7	100.5	101.1
	Sản lượng	tấn	806,719	764,090	788,800	759,000	103.2	97.8	96.2
	- Bắp								
	Diện tích	ha	4,985	5,165	5,000	5,000	96.8	100.3	100.0
	Năng suất	tạ/ha	56.7	57.2	56.7	57.2	99.1	100.1	100.9
	Sản lượng	tấn	28,238	29,553	28,350	28,600	95.9	100.4	100.9
	- Mì								
	Diện tích	ha	52,316	62,800	56,000	62,000	89.2	107.0	110.7
	Năng suất	tạ/ha	319.5	321.1	319.6	322.5	99.5	100.0	100.9
	Sản lượng	tấn	1,671,482	2,016,712	1,789,760	1,999,500	88.7	107.1	111.7
	- Mía								
	Diện tích	ha	10,725	7,000	7,000	7,000	100.0	65.3	100.0
	Năng suất	tạ/ha	758.2	783.4	765.0	784.4	97.6	100.9	102.5
	Sản lượng	tấn	813,161	548,397	535,507	549,080	97.6	65.9	102.5
	- Đậu phộng								
	Diện tích	ha	4,776	5,900	5,000	5,500	84.7	104.7	110.0
	Năng suất	tạ/ha	36.8	40.0	38.0	39.2	95.0	103.3	103.2
	Sản lượng	tấn	17,561	23,600	19,000	21,560	80.5	108.2	113.5

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2019	KH NĂM 2020	UTH NĂM 2020	KH NĂM 2021	SO SÁNH		
							UTH 2020 KH 2020	UTH 2020 TH 2019	KH 2021 UTH 2020
	- Cây cao su								
	Diện tích	ha	94,977	95,000	94,300	93,000	99.3	99.3	98.6
	Sản phẩm	ha	82,677	90,075	88,000	85,100	97.7	106.4	96.7
	Năng suất	tạ/ha	21.1	21.0	21.1	21.0	100.5	100.0	99.5
	Sản lượng	tấn	174,490	189,176	185,680	178,710	98.2	106.4	96.2
V	CÔNG NGHIỆP								
	Một số ngành sản xuất chủ yếu								
	Bột mì	Tấn	1,190,582		1,091,154			91.6	
	Đường các loại	Tấn	260,795		311,905			119.6	
	Giấy các loại	1000 đôi	79,864		75,582			94.6	
	Quần áo các loại	1000 cái	166,830		177,339			106.3	
	Võ, ruột xe các loại	1000 cái	72,932		77,741			106.6	
	Gạch các loại	1000 viên	690,288		682,512			98.9	
	Clanke Poolan	Tấn	595,007		638,901			107.4	
	Xi măng	Tấn	1,219,450		1,211,364			99.3	
	Điện thương phẩm	Triệu Kwh	4,105		4,706			114.6	
	Điện sản xuất	Triệu Kwh	723		1,164			160.9	
	Nước máy sản xuất	1000 M ³	10,398		10,888			104.7	
	Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại không thể tái chế	Triệu Đồng	72,163		67,818			94.0	
VI	XUẤT NHẬP KHẨU								

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2019	KH NĂM 2020	ƯTH NĂM 2020	KH NĂM 2021	SO SÁNH		
							UTH 2020 KH 2020	UTH 2020 TH 2019	KH 2021 UTH 2020
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	3,791	4,444	4,057	4,341	91.29	107.00	107.00
2	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	3,354		3,588			107.00	
VII	TỔNG MỨC BÁN LẺ HH VÀ DTDV	Tỷ đồng	79,126		80,588			101.8	
VIII	THU - CHI NGÂN SÁCH								
1	Tổng thu ngân sách NN trên địa bàn	"	9,597	10,000	10,050	10,500	100.5	104.7	104.5
	- Thu nội địa	"	8,066	9,250	9,035	9,500	97.7	112.0	105.1
	- Thu thuế xuất nhập khẩu	"	1,531	750	1,015	1,000	135.3	66.3	98.5
	Trong đó, thu từ hoạt động XKSKT	"	1,654	1,700	1,800	1,660	105.9	108.9	92.2
2	Tổng chi ngân sách NN trên địa bàn	"	8,832	11,124	13,170	10,303	118.4	149.1	78.2
IX	TỔNG VỐN DTP	Tỷ đồng	34,361	31,465	34,880	33,624	110.85	101.51	96.40
	% trong GRDP	%	42.0	35.0	40.1	36.0			
X	THU HÚT ĐẦU TƯ								
I	Đăng ký kinh doanh	DN	658		721			109.6	
	Số doanh nghiệp đăng ký mới	DN	10,167.15		7,163.32			70.5	
	* Lũy kế tổng số doanh nghiệp của tư nhân trên địa bàn	DN	5,730		6,327			110.4	
	* Lũy kế vốn đăng ký	Tỷ đồng	106,252.89		120,198.26			113.1	
	Số doanh nghiệp giải thể	DN	147		176			119.7	
	Số vốn của doanh nghiệp giải thể	Tỷ đồng	498.26		876.72			176.0	
2	Vốn thu hút đầu tư	Tỷ đồng							

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2019	KH NĂM 2020	ƯTH NĂM 2020	KH NĂM 2021	SO SÁNH		
							UTH 2020 KH 2020	UTH 2020 TH 2019	KH 2021 ƯTH 2020
2.1	Vốn thu hút đầu tư trong nước	Tỷ đồng	4,732		3,709.92			78.4	
*	Số dự án được cấp GCN đầu tư	Dự án	31		41			132.3	
	Vốn đăng ký	Tỷ đồng	5,005		2,485.00			49.7	
*	Số dự án tăng vốn	Dự án	8		18			225.0	
	Vốn tăng	Tỷ đồng	645		1,224.92			190.0	
*	Số dự án giảm vốn	Dự án	2		-			-	
	Vốn giảm	Tỷ đồng	917.32		-			-	
*	Số dự án thu hồi	Dự án	19		4			21.1	
	Vốn thu hồi	Tỷ đồng	2,010		17.50			0.9	
*	Số dự án trong nước chuyển thành dự án nước ngoài	Dự án	-		1				
	Vốn đăng ký	Tỷ đồng	-		800.00				
	* Lũy kế số dự án đầu tư trong nước trên địa bàn	Dự án	527		565			107.2	
	* Vốn đăng ký	Tỷ đồng	74,293		77,302.23			104.1	
2.2	Vốn thu hút đầu tư nước ngoài	Triệu USD	1,201		582.29			48.5	
*	Số dự án được cấp GCN đầu tư	Dự án	35		13			37.1	
	Vốn đăng ký	Triệu USD	860		353.16			41.1	
*	Số dự án tăng vốn	Dự án	33		23			69.7	
	Vốn tăng	Triệu USD	391		240.07			61.4	
*	Số dự án giảm vốn	Dự án	3		2			66.7	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2019	KH NĂM 2020	ƯTH NĂM 2020	KH NĂM 2021	SO SÁNH		
							ƯTH 2020 KH 2020	ƯTH 2020 TH 2019	KH 2021 ƯTH 2020
	Vốn giảm	Triệu USD	51		10.95			21.5	
*	Số dự án thu hồi	Dự án	3		2			66.7	
	Vốn thu hồi	Triệu USD	6		2.72			45.3	
	Số dự án nước ngoài chuyển thành dự án trong nước	Dự án	-		2				
	Vốn đăng ký	Triệu USD	-		6.00				
	* Lũy kế tổng số dự án còn hiệu lực	Dự án	320		330			103.1	
	Vốn đăng ký	Triệu USD	6,967		7,569.57			108.6	
	Tổng số dự án thu hút đầu tư trong và ngoài nước	Dự án	66		54			81.8	
	Tổng vốn thu hút đầu tư trong và ngoài nước (đăng ký mới + tăng vốn)	Triệu USD	1,409		740			52.5	
2.3	Góp vốn, mua cổ phần	lượt	8		2			25.0	
	Giá trị	Triệu USD	29		5			16.8	
	Tổng vốn thu hút đầu tư trong và ngoài nước và góp vốn mua cổ phần	Triệu USD	1,438		745			51.8	
XI CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI									
1	Dân số trung bình	người	1,171,683	1,177,300	1,182,092	1,192,731			
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%		dưới 1	0.9	dưới 1			
2	Lao động - việc làm - xây dựng nhà ĐDK								
	Số lao động có việc làm tăng thêm	người	17,500	17,000	19,782	16,000			

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2019	KH NĂM 2020	ƯTH NĂM 2020	KH NĂM 2021	SO SÁNH		
							UTH 2020 KH 2020	UTH 2020 TH 2019	KH 2021 UTH 2020
	Lao động đi làm việc ở nước ngoài	người	478	450	292				
	Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo	%	68.0	70.0	70.0	71.0			
	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	0.85	0.70	0.70	0.2			
3	Y tế								
	Số bác sĩ, số giường bệnh bình quân trên vạn dân								
	- Số bác sĩ	bác sĩ	6.8	7.0	7.5	7.8			
	- Số giường bệnh viện	giường	21.5	23.0	25.0	26.0			
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	11.0	11.0	11.0				
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%				Dưới 20,5			
	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	84.4	90.0	85.0	90.0			
4	Giáo dục								
	- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình, tốt nghiệp các cấp								
	+ Tiểu học	%	99.99		99.99				
	+ Trung học cơ sở	"	99.98		99.97				
	+ Trung học phổ thông	"	96.20		98.80				
	Tỷ lệ học sinh bỏ học								
	+ Tiểu học	"	0.07		0.15				
	+ Trung học cơ sở	"	0.47		0.66				
	+ Trung học phổ thông	"	1.15		1.20				

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH NĂM 2019	KH NĂM 2020	UTH NĂM 2020	KH NĂM 2021	SO SÁNH		
							UTH 2020 KH 2020	UTH 2020 TH 2019	KH 2021 UTH 2020
	Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia	%	99.62	99.63	99.69				
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	6	11	11	9			
	- Lấy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh	xã	42	45	45	54			
	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	52.5	56.3	63.4	76.1			
	Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	tiêu chí	16.1	16.8	17.1				